

Bản án số: 123/2023/HS-ST
Ngày 28-11-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Thư

Ông Vũ Văn Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 120/2023/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn L, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1974, tại Hải Phòng; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; Chỗ ở: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trương Thị Mỹ L và 03 con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: có 03 tiền án đã được xóa án tích tại bản án số 112/HSST ngày 25/9/2001 Tòa án nhân dân huyện An Hải (nay là Tòa án nhân dân huyện An Dương), thành phố Hải Phòng xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”, tại bản án số 80/HSST ngày 03/10/2003 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp T sản” và tại bản án số 130/2010/HSST ngày 09/11/2010 Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/6/2023, tạm giam từ ngày 19/6/2023; có mặt.

2. Trương Văn T, sinh ngày 01 tháng 10 năm 1975, tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn N và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Phạm Thị N và 02 con; tiền

án, tiền sự: không; nhân thân: có 01 tiền án đã được xóa án tích tại bản án số 59/2007/HSST ngày 28/9/2007 Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội “Công nhiên chiếm đoạt T sản”; Bị cáo bị tạm giữ ngày 13/6/2023, tạm giam từ ngày 19/6/2023; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 10 giờ 50 phút ngày 13/6/2023, tại khu vực cổng trung tâm Methadone ở thôn N, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Công an huyện An Dương phát hiện Trương Văn T đang đứng cạnh xe ô tô Hyundai i10 biển kiểm soát 15A-325.43 có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra. Lúc này, T vứt từ trên tay xuống đường ngay tại vị trí đang đứng 01 (một) gói giấy màu trắng kích thước 01x2,5cm (mẫu QT01) nhưng đã bị phát hiện thu giữ. Đồng thời tổ công tác cũng bắt giữ Phạm Văn L đang ngồi trong xe ô tô biển kiểm soát 15A-325.43, thu giữ trong túi áo ngực của L số tiền 300.000 đồng. T và L thừa nhận gói giấy bị thu giữ chứa ma túy do T vừa mua của L với giá 300.000 đồng. Tổ công tác còn thu giữ 01 điện thoại di động Nokia dạng bàn phím, 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen và xe mô tô biển kiểm soát 15C1-056.16 của Trương Văn T, xe ô tô biển kiểm soát 15A-325.43 và 01 điện thoại di động Vivo của Phạm Văn L.

Khám xét nơi ở của Phạm Văn L thu: 01 hộp nhựa hình trụ tròn kích thước 4,5x8,5cm bên trong có 04 gói nilon chứa chất bột màu trắng dạng cục (Mẫu KX1); tại ngăn tủ thứ 3 từ dưới lên trong tủ gỗ trong phòng ngủ thu 01 túi nilon màu trắng kích thước 07x10,5cm bên trong chứa chất bột màu trắng và 04 gói giấy kích thước 1x2cm bên trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng (Mẫu KX2); tại hộp sắt ở ngăn tủ thứ 3 từ dưới lên trong tủ gỗ trong phòng ngủ thu 01 túi nilon màu trắng kích thước 06x10cm bên trong chứa chất bột màu trắng (Mẫu KX3); 01 cân tiểu ly, 01 kéo, 01 dao tem, 04 tờ giấy A4 màu trắng, 01 mặt kính.

Xét nghiệm chất ma túy, Phạm Văn L và Trương Văn T đều dương tính với test thử chất ma túy Morphine/Heroin.

Tại Bản kết luận giám định số 514/KL-KTHS(MT) ngày 16/6/2023 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Chất bột màu trắng (mẫu QT01) thu giữ của Trương Văn T là ma túy, có khối lượng 0,36 gam, loại Heroine. Chất bột màu trắng (các mẫu KX 1, 2, 3) thu giữ tại nơi ở của Phạm Văn L là ma túy, có khối lượng 17,45 gam, loại Heroine.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn L khai nhận: Toàn bộ chất ma túy thu giữ tại nơi ở của L và số ma túy thu giữ của T là do L mua tại khu vực đường tàu nội thành Hải Phòng của đối tượng không quen biết sau đó đem về nhà chia ra cất giấu trong tủ gỗ nhằm mục đích để bán kiếm lời. Gần trưa ngày 13/6/2023, T gọi điện cho L hỏi mua 300.000 đồng Heroine; L đồng ý và hẹn T đến cổng trung tâm Methadone ở xã A để lấy ma túy. Sau đó L đi xe ô tô biển kiểm soát 15A-325.43 đem theo 01 gói ma túy để bán cho T, khi đến nơi L hạ cửa kính xe đưa ma túy cho T và nhận số tiền 300.000 đồng từ T thì bị bắt giữ.

Ngoài ra, L và T đều khai nhận: L đã vài lần bán ma túy cho T, lần gần nhất vào trưa ngày 10/6/2023, L bán cho T 01 gói ma túy Heroin với giá 200.000 đồng tại thôn D, xã L, huyện An Dương, T.P Hải Phòng.

Cáo trạng số 122/CT-VKS-AD ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trương Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn L và bị cáo Trương Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên. Các bị cáo nhận thức hình vi của mình là trái pháp luật, các bị cáo rất ăn năn hối hận và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Áp dụng điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn L từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; phạt tiền bị cáo Phạm Văn L 10.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trương Văn T từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn T.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 cân tiểu ly, 01 kéo, 01 dao tem, 04 tờ giấy A4 màu trắng, 01 mặt kính; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia dạng bàn phím, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng; trả lại cho bị cáo Trương Văn T 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội và tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan

điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với vật chứng thu giữ, với các Kết luận giám định số 514/KL-KTHS(MT) ngày 16/6/2023 và với các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận: Hồi 10 giờ 50 phút ngày 13/6/2022, tại thôn Nam Hòa, xã A, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, bị cáo Phạm Văn L có hành vi bán trái phép 0,36 gam ma túy là loại Heroine cho Trương Văn T và Trương Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,36 gam ma túy loại Heroine để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra bị cáo Phạm Văn L còn có hành vi bán 01 gói ma túy loại Heroine cho Trương Văn T với giá là 200.000đồng vào ngày 10 tháng 6 năm 2023 và cất giữ 17,45 gam ma túy loại Heroine tại nơi ở để bán kiếm lời, sử dụng cho bản thân, tổng khối lượng chất ma túy loại Heroine mà bị cáo Phạm Văn L bán cho Trương Văn T và cất giữ trái phép để bán kiếm lời là 17,81 gam. Hành vi của bị cáo Phạm Văn L đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Trương Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là **rất nghiêm trọng, hành vi** phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng, gây mất trật tự trị an xã hội và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên cần xét xử nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, hình phạt: Tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Trương Văn T có thời gian tham gia quân đội, có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo và nhân thân nên áp dụng hình phạt tù có thời hạn ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung. Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền; xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo nên phạt tiền bị cáo Phạm Văn L như mức phạt tiền Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo L tại phiên tòa, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trương Văn T.

[5] Về vật chứng: Đối với số ma túy còn lại sau giám định là loại Nhà nước cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy; đối với 01 điện thoại di động Nokia dạng bàn phím, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng, số tiền 300.000 đồng là T sản của các bị cáo nhưng liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; đối với 01 cân tiểu ly, 01 kéo, 01 dao tem, 04 tờ giấy A4 màu trắng, 01 mặt kính kích thước 33x20x0,5cm là T sản của bị cáo L và có liên quan đến hành vi phạm tội, giá trị không lớn nên tịch thu tiêu hủy. Đối với điện thoại di động Iphone 7 màu đen của Trương Văn T không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên

trả lại bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ hi hành án của bị cáo Trương Văn T.

[6] Bị cáo Phạm Văn L thu lợi bất chính từ việc bán ma túy cho T vào ngày 10/6/2023 với số tiền là 200.000đồng nên buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp lại số tiền 200.000đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về các vấn đề khác: Đối với xe ô tô Hyundai i10 biển kiểm soát 15A-325.43 mà Phạm Văn L sử dụng thuộc sở hữu của anh Phạm Văn Sản (em trai của L); xe mô tô biển kiểm soát 15C1-056.16 mà Trương Văn T sử dụng thuộc sở hữu của anh Trương Việt Thắng (con trai của T). Anh Sản, anh Thắng đều không biết việc L, T sử dụng xe để đi mua bán ma túy nên Cơ quan điều tra đã trả lại phương tiện cho chủ sở hữu sử dụng là có căn cứ.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, i khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Phạm Văn L 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù của bị cáo Phạm Văn L tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 13 tháng 6 năm 2023. Phạt tiền bị cáo Phạm Văn L 10.000.000đồng (Mười triệu đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Trương Văn T 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù của bị cáo Trương Văn T tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 13 tháng 6 năm 2023.

Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định, 01 cân tiểu ly, 01 kéo, 01 dao tem, 04 tờ giấy A4 màu trắng, 01 mặt kính kích thước 33x20x0,5cm; tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Nokia dạng bàn phím, 01 điện thoại di động Vivo màu trắng và số tiền 300.000đồng tại Biên lai thu tiền số 0004601 ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương; trả lại bị cáo Trương Văn T 01 điện thoại di động Iphone 7 màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo Trương Văn T. (Vật chứng có đặc điểm chi tiết theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 25 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng). Buộc bị cáo Phạm Văn L phải nộp lại số tiền 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) để nộp ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn L và

bị cáo Trương Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Thư

Vũ Văn Minh

Nguyễn Thị Liên